

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
 QUÝ I NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	283,318,836,984	183,757,668,380
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	58,561,275,233	47,401,167,110
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	36,174,413,796	65,718,183,107
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	188,026,282,883	67,296,307,195
4. Hàng tồn kho		
5. Tài sản ngắn hạn khác	556,865,072	3,342,010,968
II. Tài sản dài hạn	107,670,235,968	106,742,078,100
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	6,447,537,040	5,749,751,696
- TSCĐ hữu hình	3,755,546,847	3,351,359,617
- TSCĐ vô hình	2,691,990,193	2,398,392,079
- TSCĐ thuê tài chính		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3. Bất động sản đầu tư		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	97,473,910,300	97,473,910,300
5. Tài sản dài hạn khác	3,748,788,628	3,518,416,104
III. Tổng cộng tài sản	390,989,072,952	290,499,746,480
IV. Nợ phải trả	193,814,781,149	90,461,699,000
1. Nợ ngắn hạn	193,689,695,844	90,338,145,295
2. Nợ dài hạn	125,085,305	123,553,705
V. Vốn chủ sở hữu	197,174,291,803	200,038,047,480
1. Vốn chủ sở hữu	198,757,147,698	201,651,903,375
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	135,000,000,000
- Thặng dư vốn cổ phần	62,220,000,000	62,220,000,000
- Vốn khác của chủ sở hữu		
- Cổ phiếu quỹ		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
- Các quỹ	231,817,946	231,817,946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,305,329,752	4,200,085,429
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	(1,582,855,895)	(1,613,855,895)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1,582,855,895)	(1,613,855,895)
- Nguồn kinh phí		
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI. Tổng cộng nguồn vốn	390,989,072,952	290,499,746,480

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2010

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Thị Thu Hoà

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
 QUÝ I - NĂM 2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Tháng 3	Quý I năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,041,889,951	13,952,958,963
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,041,889,951	13,952,958,963
4	Giá vốn hàng bán		
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,041,889,951	13,952,958,963
6	Doanh thu hoạt động tài chính		
7	Chi phí tài chính		
8	Chi phí bán hàng	6,108,695,039	6,726,214,650
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,614,093,200	4,219,084,535
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,319,101,712	3,007,659,778
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác	35,826,666	112,904,101
13	Lợi nhuận khác	(35,826,666)	(112,904,101)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,283,275,046	2,894,755,677
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,283,275,046	2,894,755,677
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Bích Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hoà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn